

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-PT.

Ngày: 23/5/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành;

Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung.

Bà Lê Thị Thuỷ.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:

Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-DSPT ngày 11/4/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXX - PT ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Hà Đình T1**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Đình T1 qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/02/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn vì anh T1 không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, hay chửi bới, xúc phạm chị. Chị đã nhiều lần đưa anh

T1 đi cai rượu, nhưng cứ mỗi lần đi cai về được ít hôm anh T1 lại uống rượu lại, ngày càng say sấn nhiều hơn. Chị đã cố gắng chịu đựng mong anh T1 thay đổi nhưng không có kết quả. Nay chị thấy đã quá mệt mỏi và không thể chịu đựng hơn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Hà Đình T1.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị G, sinh ngày 29/7/2007 và cháu Hà Đức M, sinh ngày 08/3/2009. Quan điểm của chị T khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi người được nuôi 01 con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Nếu anh T1 đồng ý thì chị xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 28/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Đình T1 trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/02/2007 như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến đầu năm 2022 mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh có đi uống rượu vui với bạn bè thì chị T không đồng ý, nói không được uống rượu nữa, nên vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Anh có uống rượu, nhưng anh không quát mắng hay đánh đập vợ con. Nay chị T làm đơn ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Hà Thị G, sinh ngày 29/7/2007 và cháu Hà Đức M, sinh ngày 08/3/2009. Quan điểm anh T1 là nếu Tòa giải quyết ly hôn, thì anh xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh theo quy định.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T1 xác định vợ chồng có tài sản chung, nhưng hiện tại anh chưa thu thập được tài liệu chứng minh, nên anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại các bản tự khai ngày 28/11/2022 cháu Hà Thị G và cháu Hà Đức M đều có lời khai thể hiện ý kiến mong muốn bố mẹ đoàn tụ và xin được ở cùng với cả bố và mẹ.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 21/12/2022 đại diện UBND xã X cho biết: Chị Lê Thị T và anh Hà Đình T1 có quan hệ hôn nhân là vợ chồng, đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T vào ngày 23/02/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T1 tại xã X, huyện T. Tại địa phương không thấy vợ chồng

có mâu thuẫn gì với nhau, tuy nhiên anh T1 thường xuyên đi uống rượu, nên chị T chán nản mà yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị G, sinh ngày 29/7/2007 và cháu Hà Đức M, sinh ngày 08/3/2009, hiện các cháu đang ở cùng anh T1 tại nhà bố mẹ đẻ của anh T1. Chị T hiện nay không sinh sống cùng anh T1 và không ở tại địa phương.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS); Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Về hôn nhân cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Hà Đình T1. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Hà Đình T1 có 02 (hai) con chung là cháu Hà Thị G, sinh ngày 29/7/2007 và cháu Hà Đức M, sinh ngày 08/3/2009. Giao cháu Hà Thị G cho chị Lê Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Hà Đức M cho anh Hà Đình T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T và anh Hà Đình T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lê Thị T và anh Hà Đình T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 20/3/2023, bị đơn anh Hà Đình T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được đoàn tụ với chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị T không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Hà Đình T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX): Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hà Đình T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên, quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát cùng cấp được biết.

[2] *Xét về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:*

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 và 276 BLTTDS. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đương sự không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn được xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] *Xét kháng cáo của bị đơn anh Hà Đình T1 về việc anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Theo đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên nhân mâu thuẫn và lý do chị Lê Thị T xin ly hôn anh Hà Đình T1 vì anh T1 thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi vã, chị T đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Mối quan hệ hôn nhân cũng như tình cảm vợ chồng của anh chị không thể níu kéo dẫn đến không hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị T đã làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T1. Tại cấp phúc thẩm anh T1 cũng thừa nhận anh hay uống rượu nên dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mặc dù anh không muốn ly hôn và tha thiết được đoàn tụ với chị T để cùng nuôi dạy con chung song anh T1 không thuyết phục được chị T đoàn tụ và cũng không có lý do gì để níu kéo tình cảm vợ chồng nên HĐXX không có căn cứ để xem xét nội dung kháng cáo của anh T1. Hơn nữa tại cấp phúc thẩm chị T vẫn cương quyết đề nghị được ly hôn, không có nguyện vọng muốn đoàn tụ với anh T1. Do đó Tòa án cấp

sơ thẩm giải quyết cho chị Lê Thị T ly hôn anh Hà Đình T1 là đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bị đơn anh Hà Đình T1 không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Hà Đình T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 38; Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hà Đình T1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí phúc thẩm: Anh Hà Đình T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014656 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- TAND H.Thọ Xuân, TH;
- UBND xã Thiệu Công, Thiệu Hoá, TH;
- VKSND H.Thọ Xuân, TH ;
- Chi cục THADS H.Thọ Xuân, TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Thành